

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV24B4**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02230**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Tiếng anh chuyên ngành**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454802030455	Ngô Huỳnh	Anh	15/08/2009			5	8.0	9.0		6.3		6.9
2	2454802030456	Nguyễn Thị Lan	Anh	13/05/2009			10	6.0	9.0		5.3		6.4
3	2454802030457	Đặng Phước	Bảo	22/09/2009			1	8.0	5.0		9.5		7.9
4	2454802030458	Nguyễn Văn	Bi	20/03/2009			6	8.0	6.0		5.3		5.9
5	2454802030459	Nguyễn Văn	Chi	20/02/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
6	2454802030460	Hà Minh	Duy	11/09/2009			8	10.0	8.0		8.0		8.3
7	2454802030461	Trần Bảo	Duy	10/08/2009			6	8.0	10.0		3.8		5.6
8	2454802030462	Hồ Hải	Đăng	03/07/2009			9	5.0	9.0		5.5		6.3
9	2454802030463	Nguyễn Nhất	Đô	22/11/2009			5	8.0	9.0		4.0		5.5
10	2454802030464	Vũ Phan Minh	Đức	31/03/2009			8	9.0	5.0		4.8		5.8
11	2454802030465	Lê Thị Ngọc	Huyền	14/10/2008			8	9.0	9.0		3.5		5.6
12	2454802030466	Phú Văn	Kha	18/03/2009			5	5.0	10.0		7.3		7.2
13	2454802030467	Lê Bảo	Khang	12/03/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
14	2454802030468	Châu Quang	Kiệt	15/10/2009			5	8.0	10.0		6.8		7.4
15	2454802030469	Hoa Thị Hồng	Lan	23/09/2009			6	9.0	9.0		6.0		7.0
16	2454802030470	Nguyễn Thanh	Luân	08/10/2008			5	7.0	5.0		4.0		4.7
17	2454802030471	Nguyễn Xuân	Nam	04/02/2008			7	6.0	10.0		5.0		6.1
18	2454802030472	Nguyễn Đông	Nghi	04/05/2009			7	8.0	6.0		6.0		6.4
19	2454802030473	Đinh Bảo	Nghĩa	12/11/2009			9	8.0	6.0		5.5		6.3
20	2454802030474	Lê Trọng	Nghĩa	17/10/2009			5	9.0	6.0		4.8		5.7
21	2454802030475	Trần Phúc	Nguyên	03/03/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
22	2454802030476	Đỗ Thành	Phát	19/01/2009			5	5.0	7.0		4.8		5.2
23	2454802030477	Phạm Thế	Phong	27/04/2009			5	4.0	6.0		6.5		5.9
24	2454802030478	Võ Hoài	Phong	07/06/2009			5	9.0	10.0		4.3		6.0
25	2454802030479	Dương Hoài	Phú	19/07/2009			9	8.0	9.0		5.8		6.9
26	2454802030480	Lữ Thiên	Phú	17/07/2009			6	8.0	10.0		6.8		7.4
27	2454802030481	Nguyễn Thị Kim	Thanh	08/01/2009			9	7.0	8.0		5.3		6.3
28	2454802030482	Lê Phước	Thiện	16/04/2008			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
29	2454802030483	Trần Văn	Thuận	07/06/2009			9	8.0	8.0		6.0		6.9
30	2454802030484	Trương Thị Cẩm	Thùy	16/09/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
31	2454802030485	Danh Thị Thu	Thùy	15/01/2009			5	9.0	10.0		6.0		7.0
32	2454802030486	Võ Thị Kim	Tiền	02/09/2009			5	9.0	3.0		6.0		5.9
33	2454802030487	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	27/10/2009			5	5.0	9.0		6.5		6.5
34	2454802030488	Nguyễn Công	Trí	17/02/2009			7.5	5.0	7.0		3.5		4.6
35	2454802030489	Trần Thùy	Trình	27/03/2009			7.5	9.0	6.0		6.8		7.1
36	2454802030490	Đỗ Hồng	Trúc	14/03/2009			10	6.0	5.0		3.5		4.7

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2454802030491	Thái Phú	Vinh	07/07/2009				9	6.0	6.0			6.5		6.5
38	2454802030492	Huỳnh Thị Tường	Vy	18/04/2009				7.5	10.0	5.0			6.0		6.6

Châu Đốc, ngày 4 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Huỳnh Nhi